

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
VIỆN KHOA HỌC THỐNG KÊ

BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

ĐỀ TÀI
NGHIÊN CỨU TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN
DÂN SỐ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ KINH TẾ XÃ HỘI
Ở VIỆT NAM

Số đăng ký : 89 - 98 - 026
Cấp quản lý : Cấp Bộ
Đơn vị chủ trì : Viện Khoa học Thống kê
Chủ nhiệm đề tài : PTS. Nguyễn Việt Cường
Viện trưởng Viện Khoa học Thống kê

VIỆN KHOA HỌC THỐNG KÊ
2054
14111195

ĐẶT VẤN ĐỀ

Dân số và vấn đề bùng nổ dân số đang là mối quan tâm của cả nhân loại, bất kỳ một quốc gia nào dù là các nước đã phát triển, trong chiến lược phát triển của mình đều phải chú ý đến chính sách dân số và xem đó là một trong những nhân tố hàng đầu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Vì con người là yếu tố quyết định sự tiến hoá của xã hội, vừa sản xuất ra của cải vật chất và văn minh tinh thần, đồng thời cũng tiêu dùng của cải vật chất và tinh thần đó để thoả mãn nhu cầu ngày càng tăng của mình. Đặc biệt trong điều kiện ngày nay, khi mối quan hệ quốc tế về kinh tế và xã hội ngày càng mở rộng ~~trở nên~~ ^{trở} việc hoạch định các chính sách về dân số và phát triển lại càng phải được chú ý.

Trong nhiều thập kỷ qua trên thế giới, nhất là vài ba thập kỷ gần đây, cả ở những nước phát triển và đang phát triển đều tập trung nghiên cứu và từng bước xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển dân số một cách hợp lý và phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của mỗi nước và đã mang lại những kết quả khả quan.

Nước ta, đất không rộng, người đông, mật độ dân số vào loại cao so với nhiều nước trên thế giới (khoảng gần 200 người/km²), mới thoát khỏi một cuộc chiến tranh kéo dài, nền kinh tế còn yếu kém, sản xuất chưa đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng trong nước, tình hình xã hội có nhiều diễn biến phức tạp..., đòi hỏi sự nỗ lực của toàn Đảng và toàn dân ta phải tìm cách tháo gỡ.

Chính vì vậy, đề tài " Nghiên cứu tình hình phát triển dân số và những vấn đề kinh tế xã hội ở Việt Nam " được tiến hành nghiên cứu nhằm bước đầu đặt nền móng cho việc xây dựng một hệ thống các mô hình dân số và phát triển, góp phần vào việc hoạch định các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nước ta.

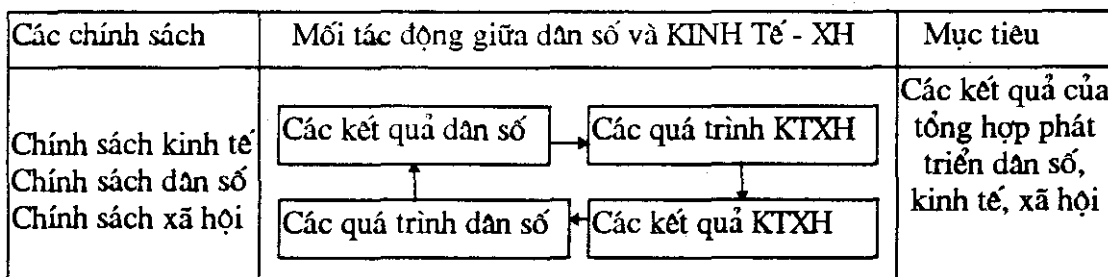
Song, đây là một vấn đề hết sức rộng lớn, đa dạng và phong phú theo nhiều góc độ khác nhau, nhưng chúng ta mới tổ chức nghiên cứu ở từng mặt, thiếu tính hệ thống, chưa đặt trong điều kiện mở, khâu tổ chức chỉ đạo còn nhiều lúng túng... Nền mục tiêu của đề tài chỉ giới hạn ở mức độ bằng các phương pháp thống kê và các phương pháp có liên quan để phân tích, đánh giá quá trình phát triển dân số và mối tác động của dân số với các vấn đề kinh tế xã hội ở nước ta; trên cơ sở đó, kiến nghị những biện pháp nhằm từng bước xây dựng một hệ thống các mô hình dân số - phát triển trong điều kiện Việt Nam.

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DÂN SỐ VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA DÂN SỐ VỚI KINH TẾ - XÃ HỘI.

Dân số, kinh tế, xã hội là 3 mặt chủ yếu của đời sống xã hội, khi nghiên cứu mặt này, không thể không đề cập tới 2 mặt kia, vì giữa chúng tồn tại nhiều mối quan hệ hết sức khăng khít. Tuy nhiên, tùy theo yêu cầu và góc độ khác nhau mà có thể lựa chọn điểm xuất phát từ bình diện này hay bình diện khác để xét tác động của nó lên các mặt còn lại. Đề tài này, lấy dân số làm trục chính để xét quá trình phát triển dân số và mối quan hệ biện chứng với kinh tế và xã hội.

1. Lược đồ tổng quát phân tích tình hình phát triển dân số và các vấn đề kinh tế - xã hội.

Lược đồ 1 : Mối quan hệ giữa dân số và các vấn đề kinh tế - xã hội.



Qua lược đồ trên, ta thấy nổi lên 3 vấn đề lớn :

- Thứ nhất : Là tập hợp các chính sách phát triển về cả 3 mặt DS, KT và XH
- Thứ hai : Là thể hiện các mối quan hệ nội tại và tương tác giữa 3 mặt trên trong một chu trình kín.
- Thứ ba : Là các mục tiêu về KT, DS, XH cần đạt .

Lược đồ trên cho ta cách nhìn tổng quát về mối quan hệ biện chứng giữa 3 yếu tố xảy ra trong một không gian và thời gian nhất định. Lược đồ này được thể hiện qua các giai đoạn sau :

Giai đoạn 1 : Khâu hoạch định chính sách dân số - kinh tế - xã hội, mỗi chính sách, phục vụ cho mục tiêu nhất định, nhưng có tác động trực tiếp đến các lĩnh vực khác; Trong 3 vấn đề DS - KT - XH là một thực thể thống nhất, nên khi hoạch định bất kỳ một chính sách nào đều phải xem xét kỹ lưỡng đến 2 mặt còn lại, đặc biệt là chính sách dân số, bởi lẽ mọi hoạt động trong xã hội đều là kết quả lao động trí óc hoặc chân tay của con người.

Giai đoạn 2 : Trình bày mối quan hệ tương tác của các chính sách DS - KT - XH lên các quá trình phát triển; đồng thời trong quá trình phát triển của từng lĩnh vực, chúng lại có quan hệ tương tác với nhau.

Giai đoạn 3 : Là mối quan hệ giữa các mục tiêu phát triển (kết quả) của các lĩnh vực trên, và ở đây cũng lại diễn ra mối quan hệ biện chứng giữa 3 kết quả về DS - KT - XH.

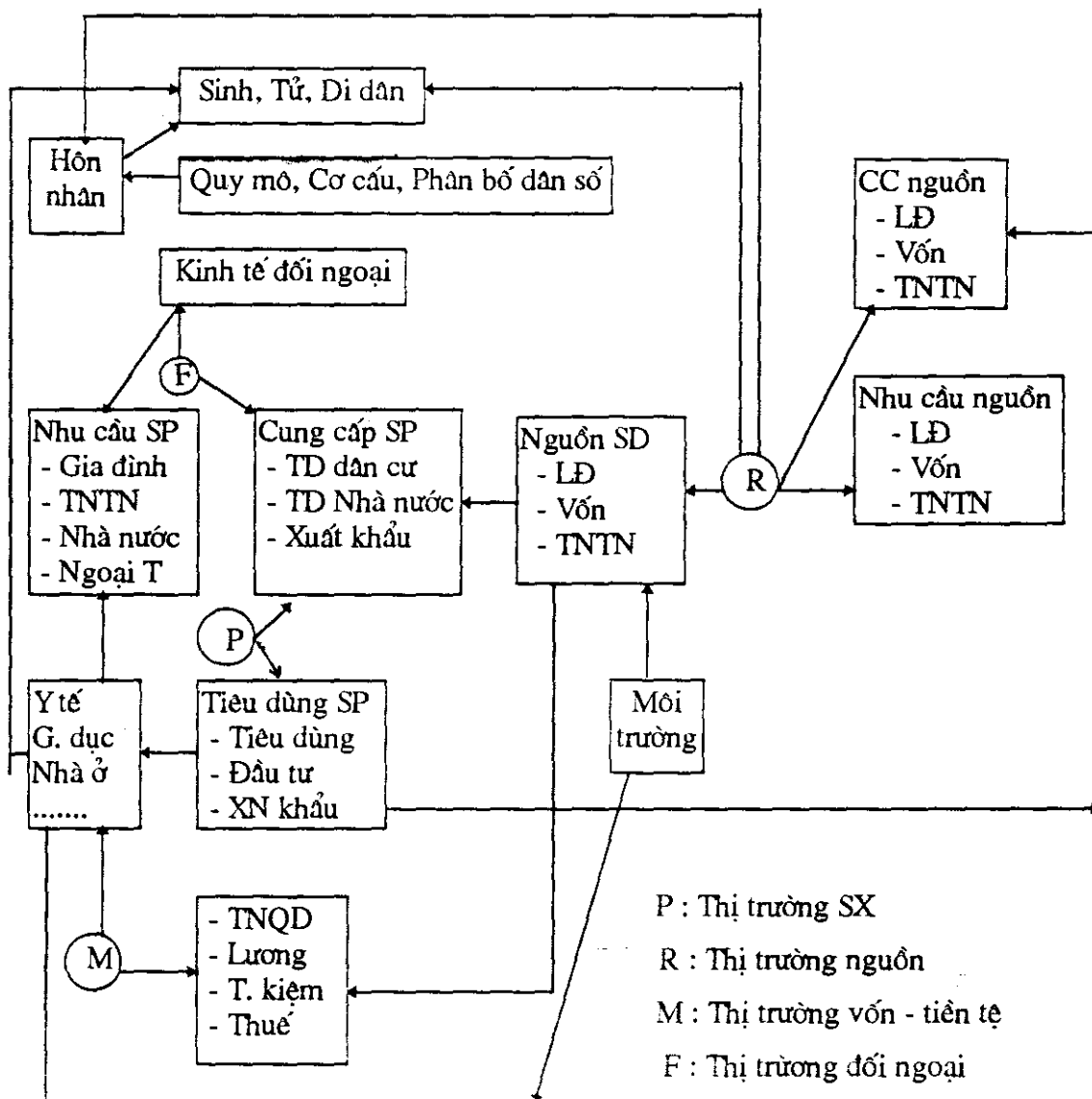
Giai đoạn 4 : Thể hiện cụ thể các kết quả của các quá trình DS - KT - XH.

Giai đoạn 5 : Trình bày mối quan hệ trong điều chỉnh hoặc hoạch định các chính sách DS - KT - XH ở thời kỳ mới.

Như vậy, sự phát triển của các mối quan hệ trên theo chu trình tròn ốc mở rộng không ngừng theo sự tiến hoá của nhân loại.

Phân tích sâu hơn ta có lược đồ sau :

Lược đồ 2 : Phân tích mối quan hệ giữa DS - KT - XH



Phân tích các mối quan hệ trên có thể được mô tả như sau :

- Các sự kiện dân số như sinh, tử, di dân sẽ xác định quy mô, tốc độ, cơ cấu dân số cũng như sự phân bố dân cư, trong đó quan trọng nhất là phân bố dân cư thành thị và nông thôn.

- Quy mô, cơ cấu và sự phân bố dân cư cùng với mức độ thu nhập sẽ quyết định nhu cầu về các sản phẩm, về nhà ở, và các dịch vụ khác.

- Nhu cầu về sản phẩm và dịch vụ được xác định thông qua quy mô và sự phân bố thu nhập, mà những yếu tố này lại phụ thuộc vào quá trình sản xuất, tức là các yếu tố như đất đai, vốn, nguồn lao động...

- Quan hệ cung và cầu sản phẩm và dịch vụ được xác định qua thị trường...

Như vậy, thông qua các lược đồ trên, chúng ta có thể phân tích nhiều mối quan hệ giữa dân số và các vấn đề kinh tế - xã hội nảy sinh trong một nền kinh tế mở.

2. Một số lược đồ chi tiết dùng trong phân tích mối quan hệ giữa dân số và kinh tế - xã hội.

Để tiến hành phân tích sâu hơn mối quan hệ giữa dân số và kinh tế - xã hội, chúng ta có thể nghiên cứu một số quan hệ chủ yếu sau đây :

a. Mối quan hệ giữa dân số với đầu tư và tiêu thụ sản phẩm.

Đầu tư và tiêu thụ sản phẩm là hai mặt của quá trình TSX, muốn mở rộng sản xuất có chiều rộng và chiều sâu phải dựa vào các yếu tố của sản xuất là lao động (cả số lượng và chất lượng lao động), vốn và tài nguyên thiên nhiên; những yếu tố này lại có quan hệ qua lại ~~kế hoạch~~ chặt chẽ với dân số. Dân số không chỉ tác động đến lao động, mà còn tác động đến quy mô và tốc độ tích lũy; đến mức độ và cơ cấu tiêu dùng và tài nguyên thiên nhiên. Đây là mối quan hệ qua lại hết sức phức tạp, do vậy phải sử dụng nhiều công cụ đó là hệ thống mô hình Dân số - Phát triển để nghiên cứu chúng.

b. Quan hệ giữa dân số và phát triển nông nghiệp và công nghiệp.

Giữa nông nghiệp và công nghiệp có mối quan hệ khăng khít không chỉ ở khâu cung cấp sản phẩm hoặc tiêu thụ sản phẩm của nhau mà cả ở khâu lao động và tích lũy vốn....; song, nông nghiệp lại quan hệ ~~kế hoạch~~ chặt chẽ với vấn đề dân số, nhất là vấn đề đất đai và tài nguyên thiên nhiên; còn với công nghiệp các yếu tố dân số cũng tác động rất lớn đến vấn đề phát triển công nghiệp ở cơ cấu vốn, cơ cấu nhu cầu, khả năng lao động cũng như tình trạng không có việc làm..., quá trình công nghiệp hoá cũng là quá trình đô thị hoá, trong quá trình này các nhân tố trên có tác động qua lại rất chặt chẽ với nhau.

c. Quan hệ giữa dân số và việc làm.

Một trong những yêu cầu quan trọng là tỷ lệ tăng dân số phải được điều tiết sao cho phù hợp với sự tăng trưởng của kinh tế để có thể thu hút hết lao động vào các ngành KTQD; đây là vấn đề vừa cấp bách vừa nan giải không chỉ ở nước ta mà ở phần đông các nước trên thế giới.

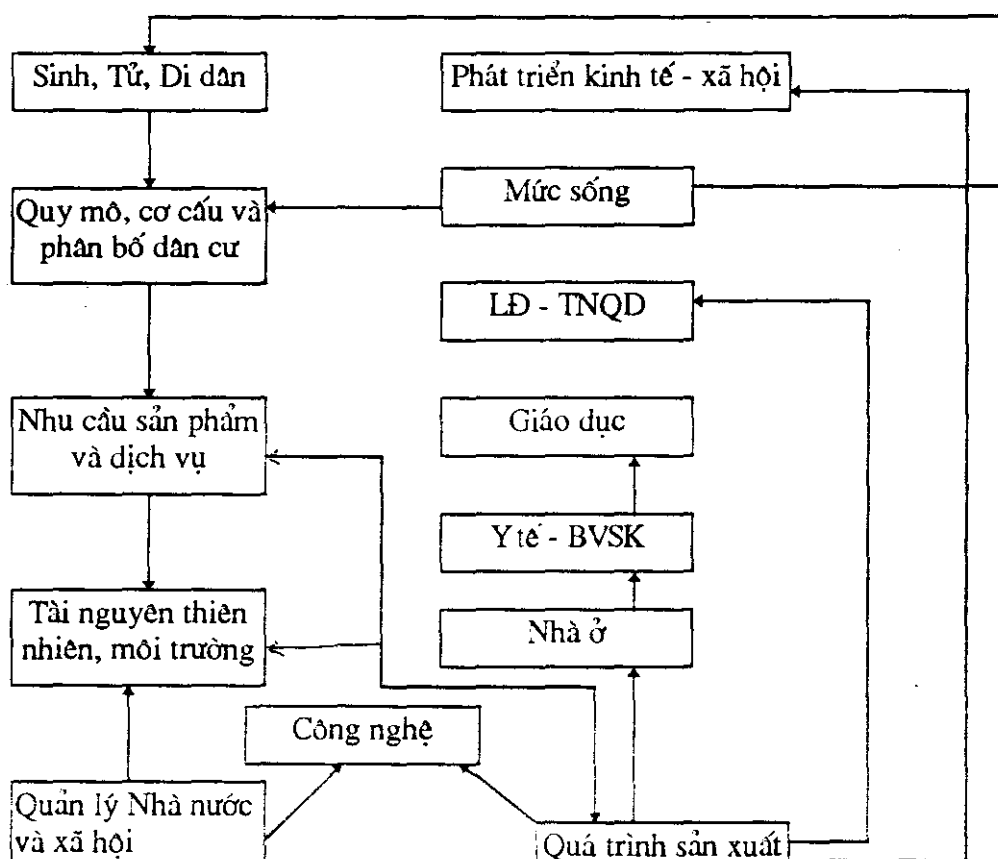
d. Quan hệ giữa dân số và các vấn đề xã hội.

Nói đến các vấn đề xã hội là nói đến hoạt động của con người, do đó yếu tố dân số có ảnh hưởng rất lớn và trên nhiều bình diện khác nhau tác động đến các vấn đề xã hội. Chúng ta sẽ đi sâu hơn ở các phần sau.

e. Quan hệ giữa dân số với môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

Hàng năm trên hành tinh chúng ta có thêm khoảng trên 90 triệu người, riêng Việt Nam tăng khoảng trên 1 triệu người; đây là tác nhân cơ bản gây nên nạn phá rừng, xói mòn đất đai, gây ô nhiễm môi trường sinh thái... Do vậy, đây cũng là một trong những vấn đề cần phải phân tích và nghiên cứu, và lược đồ phân tích được thể hiện như sau :

Lược đồ 3: Lược đồ tổng quát về mối quan hệ giữa dân số và môi trường



Qua lược đồ cho ta hình dạng mối quan hệ qua lại giữa dân số và môi trường. Phân nhiều các mối quan hệ này đều ở dạng trực tiếp. Chẳng hạn, quy mô, cơ cấu dân số quyết định khối lượng và cơ cấu hàng hoá và dịch vụ (nhu cầu hàng hoá và dịch vụ).

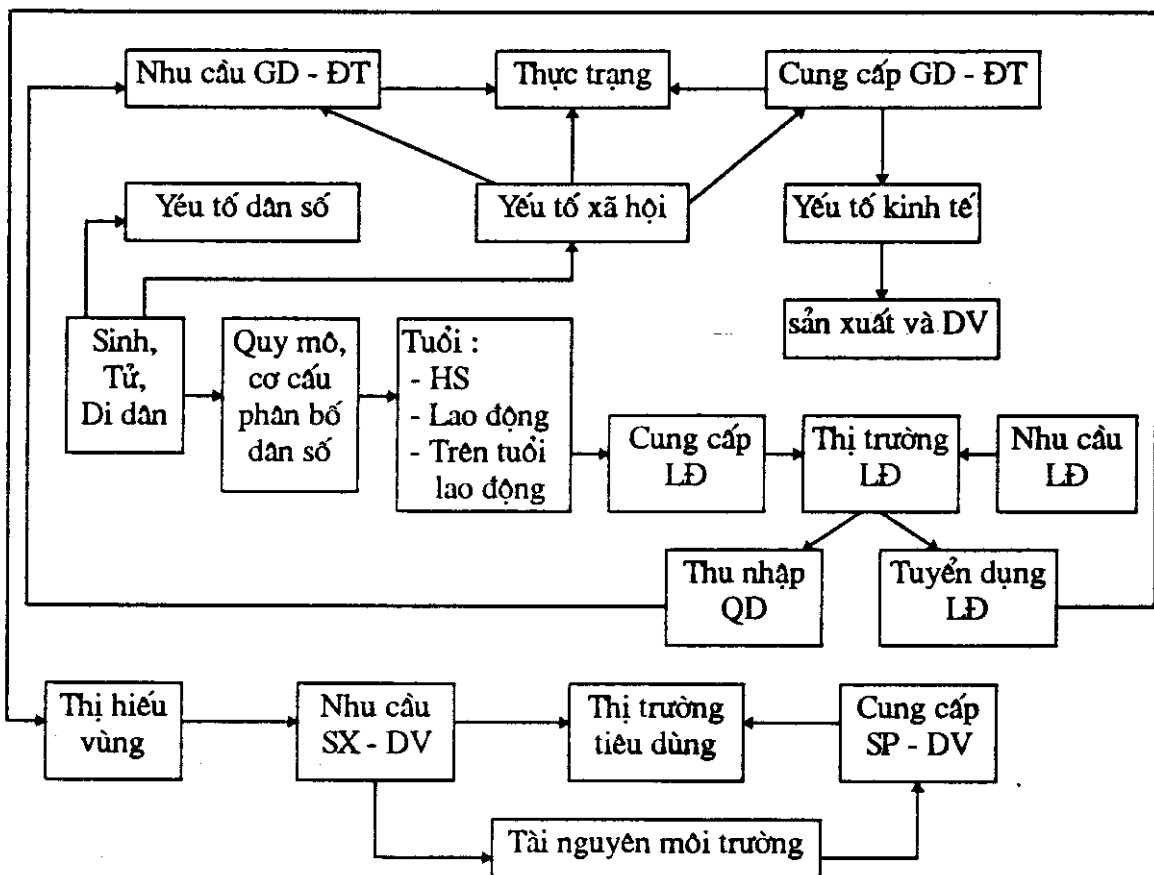
Trong đó có những nhu cầu hết sức thiết yếu như lương thực, thực phẩm và môi trường sống (như không khí, nguồn nước...) phụ thuộc vào diện tích đất đai. Ngoài ra tài nguyên dưới đất, biển.... là nguồn cung cấp cơ bản nguyên liệu cho sản xuất, nhất là sản xuất công nghiệp.

Trong từng vấn đề trên, để nghiên cứu sâu thêm nhằm xác định rõ mức độ tác động của từng yếu tố, người ta tiến hành xây dựng "các mô hình con" để lượng hoá một cách rõ nét hơn. Ví dụ như trong vấn đề mối quan hệ giữa dân số với các vấn đề xã hội, người ta thường xây dựng một số mô hình con sau:

- Quan hệ giữa dân số và giáo dục và đào tạo
- Quan hệ giữa dân số và ý tế - BVSK
- Quan hệ giữa dân số và nhà ở

v.v....

Sau đây ta xem xét lược đồ tổng quan giữa dân số và giáo dục và đào tạo



Từ lược đồ này, chúng ta thấy rằng nhu cầu giáo dục - đào tạo phụ thuộc trước hết vào các yếu tố dân số, còn 2 yếu tố kinh tế và xã hội tác động thông các quá trình. Chẳng hạn yếu tố về kinh tế thông qua 2 chỉ số cơ bản là TNQD và tuyển dụng lao động; còn yếu tố xã

hội có tác động lên các sự kiện của dân số (sinh, tử, di dân) và cho ra thực trạng giáo dục. Đồng thời qua lược đồ này, chúng ta thấy rõ hơn tác động của dân số lên các quá trình kinh tế xã hội khác. Trực tiếp nhất là quy mô và cơ cấu dân số, những yếu tố quyết định nguồn lao động cả về số lượng và chất lượng.

3. Thực trạng nghiên cứu mối quan hệ giữa dân số và các vấn đề kinh tế - xã hội ở nước ta trong thời gian qua.

Trong mấy thập kỷ qua, ở cả các nước đã phát triển và đang phát triển và các nước trong khu vực quanh ta đã xây dựng các mô hình dân số và phát triển và có những kết quả đáng kể; từ các mô hình đơn giản như: TEMPO I, TEMPO II, đến các mô hình phức tạp hơn như mô hình kế hoạch hoá dài hạn, mô hình Bachue, mô hình FAC/UNFPA.. Riêng ở nước ta, trong vòng vài chục năm lại đây, nhiều cơ quan trung ương và địa phương cũng như các Viện nghiên cứu đã tiến hành nghiên cứu vấn đề trên. Nhưng nhìn chung mới dừng lại ở từng mặt chưa có các công trình nghiên cứu toàn diện. Hơn nữa, các công trình nghiên cứu phần lớn mới tập trung vào lĩnh vực dân số và thiếu chiều ngược lại, như phân tích dự báo dân số, phân bố lực lượng sản xuất, tuyển dụng lao động..., một số đề tài nghiên cứu mối quan hệ giữa dân số và lương thực.

Nguyên nhân của tình hình trên đây có nhiều, ở đây chúng tôi xin nêu một số nguyên nhân cơ bản sau :

1. Chưa quán triệt đầy đủ tầm quan trọng của vấn đề dân số và kinh tế - xã hội trong chiến lược phát triển theo tầm cỡ quốc gia và quốc tế.

2. Mối quan hệ giữa dân số với các vấn đề kinh tế - xã hội diễn ra hết sức phức tạp và ở nhiều bình diện khác nhau đòi hỏi phải nghiên cứu rất chặt chẽ và công phu.

3. Việc nghiên cứu các mối quan hệ trên đòi hỏi rất nhiều thông tin, hơn nữa thông tin phải đảm bảo độ chính xác và tính đồng bộ cao. Trong khi đó hệ thống thông tin nước ta nói chung và hệ thống thông tin thống kê nói riêng, một trong những phân hệ thông tin quan trọng của toàn bộ hệ thống thông tin còn bộc lộ nhiều yếu kém và chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là thông tin thống kê xã hội, nạn "khan hiếm thông tin" là trở ngại rất lớn (thường phải tổ chức điều tra song chi phí quá tốn kém).

4. Đây là vấn đề rất phức tạp, việc tiếp cận nó đòi hỏi phải có sự chỉ đạo thống nhất, với một đội ngũ cán bộ có trình độ hiểu biết vừa sâu vừa rộng. Song trong thời gian qua, việc đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và tổ chức phối hợp nghiên cứu chưa tốt. Do vậy, mỗi cơ quan,

mỗi Viện nghiên cứu và bản thân từng cán bộ nghiên cứu mới đủ sức giải quyết từng vấn đề riêng lẻ, và cách làm như vậy không thể đưa ra những kết quả tốt để góp phần giải quyết vấn đề nóng bỏng này.

II. HỆ THỐNG CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH VÀ PHẢN ÁNH MỐI QUAN HỆ GIỮA DÂN SỐ VÀ CÁC VẤN ĐỀ KINH TẾ - XÃ HỘI.

Trong phần I, chúng tôi đã trình bày những vấn đề có tính chất lý luận nhằm phân tích mối liên hệ tổng quát giữa dân số và các vấn đề kinh tế - xã hội nói chung, cũng như một số lược đồ chi tiết phân tích mối quan hệ giữa dân số và các vấn đề kinh tế cụ thể và giới thiệu một số mô hình chủ yếu đã được các nhà kinh tế và dân số học xây dựng nhằm lượng hoá mức độ tác động của các mối liên hệ trên. Trước hết chúng ta thừa nhận rằng, việc phân tích và đánh giá mức độ ảnh hưởng của dân số đối với các vấn đề kinh tế - xã hội, cũng như tác động tương tác của các yếu tố kinh tế - xã hội lên vấn đề phát triển dân số là những mối quan hệ trực tiếp, lại vừa gián tiếp. Mặt khác tùy từng mục tiêu và phạm vi nghiên cứu mà lựa chọn hệ thống chỉ tiêu cho phù hợp với mục đích khác nhau.

Để minh hoạ điều trên, chúng tôi xin giới thiệu 2 hệ thống chỉ tiêu tiêu biểu đã được một số nhà kinh tế học trên thế giới sử dụng.

Thứ nhất một hệ thống chỉ tiêu do tiến sĩ V.Perciamov, dùng để phân tích mối quan hệ giữa dân số và tình hình phát triển kinh tế xã hội của Liên Xô (tạp chí TKLX số 9/89).

Để phục vụ cho việc phân tích tác giả dùng hệ thống gồm 6 chỉ tiêu chính sau đây :

1. TSFXH bình quân đầu người, chỉ tiêu này phản ánh tình hình sản xuất của quốc gia trong các thời kì và chuỗi động thái theo thời gian phản ánh mối quan hệ trực tiếp giữa sản xuất và qui mô dân số.

2. TNQD bình quân đầu người, chỉ tiêu này phản ánh tổng hợp hiệu quả sản xuất xã hội. Bởi lẽ TNQD là nguồn cơ bản để tích lũy và tiêu dùng.

3. Qui mô đầu tư bình quân đầu người. Chỉ tiêu này phản ánh ~~khả năng~~ khả năng tích lũy để mở rộng sản xuất, trong đó có phần tiên tiết kiệm bình quân đầu người.

4. Tổng giá trị xuất nhập khẩu bình quân đầu người phản ánh mức độ phát triển sản xuất và tiêu dùng trong nước với bên ngoài.

5. Tổng mức bán lẻ hàng hoá xã hội phản ánh mức độ tiêu dùng sản phẩm và dịch vụ của dân số.

6. Tuổi thọ bình quân là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh cả mức sống vật chất và điều kiện môi trường sinh sống của dân số.

Thông qua 6 chỉ tiêu trên tác giả đã phân tích và đánh giá thực trạng phát triển kinh tế xã hội từ năm 1970 lại đây và so sánh tình hình kinh tế của Liên Xô với Mỹ.

Thứ hai là hệ thống chỉ tiêu mà các chuyên gia LHQ đã sử dụng để xây dựng mô hình BACHUE cho Philippine và một số nước ở khu vực Đông Nam Á (xem bài giảng mô hình dân số và phát triển của Megama)

Trong mô hình này các chuyên gia đã sử dụng các chỉ tiêu sau :

A. Các chỉ tiêu định tính(15 chỉ tiêu)

1. Bưu điện viễn thông	Communication
2. Tiêu dùng	Consumption
3. Giáo dục	Education
4. Lao động và điều kiện làm việc	Employment and working condition
5. Y tế	Health
6. Thu/ chi	Income/output
7. Thực trạng và bảo hiểm cá nhân	Induvial security and Status
8. Cửa cái Quốc gia	National prestige
9. Tham gia công cộng	Popular participation
10. Chất lượng môi trường	Quality of environment
11. Công bằng xã hội	Social aquality
12.	Self-relevance and self-Sufficien
13. Khoa học và Công nghệ	Science and Technology
14. Phân bố dân cư đặc biệt	Special population distribution
15. Các quan điểm và tự do lựa chọn	Opions and Freedom choice

B. Các chỉ tiêu về dân số (10 chỉ tiêu)

1. Qui mô dân số	Population size
2. Mật độ dân số	Population density
3. Tốc độ phát triển dân số	Population growth
4. Tỷ lệ chết chung	General Mortality
5. Tỷ lệ sinh	Fertility
6. Di dân	Migration
7. Hôn nhân	Nuplialyty
8. Cơ cấu tuổi, giới tính	sex/age structure
9. Loại gia đình	Family type
10. Gia đình và tiện nghi	Family and household composition